TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **75/**2020/DS-ST
Ngày: 05/5/2020
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trúc Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Công Minh

2. Ông Nguyễn Đức Duy

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đông - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang *tham gia phiên tòa:* Bà Lương Thị Trà My - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXXST-DS ngày 24/3/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trương Thế L, sinh năm 1987;

Địa chỉ: ấp VT, xã VK, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có anh Lê Văn L1, sinh năm 1985. Địa chỉ: ấp BHA, xã BT, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (theo văn bản ủy quyền ngày 13/9/2019).

2. Bị đơn: - Nguyễn Minh T, sinh năm 1990.

- Bùi Thị V, sinh năm 1994.

Cùng địa chỉ: ấp VT, xã VK, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

(Có mặt anh L1; vắng mặt các bị đơn)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện,bản tự khai cùng ngày 17/12/2019 và trong quá trình tố tụng, đại diện nguyên đơn - anh Lê Văn L1 trình bày:*

Ngày 17/12/2017, anh Nguyễn Minh T và chị Bùi Thị V có vay của anh L số tiền 25.000.000đồng, lãi suất 3%/tháng. Đôi bên có lập biên nhận mượn tiền và cùng ký tên, lăn tay vào biên nhận. Thời hạn vay là 01 tháng, tính từ ngày 17/12/2017 đến ngày 17/01/2018.

Ngày 18/8/2018, anh T và chị V tiếp tục vay của anh L số tiền 59.000.000đồng, lãi suất 3%/tháng. Đôi bên có lập biên nhận mượn tiền và cùng ký tên vào biên nhận. Thời hạn vay là 01 tháng, tính từ ngày 18/8/2018 đến ngày 18/9/2018.

Đến nay, vợ chồng bị đơn chỉ trả cho anh L được 2.000.000đồng tiền lãi đối với khoản vay 25.000.000đồng, nợ gốc 84.000.000đồng và các khoản lãi khác mà đôi bên thỏa thuận, bị đơn đều vi phạm nghĩa vụ thanh toán mặc dù đã được anh Lữ nhắc nhở nhiều lần. Cụ thể nợ lãi tính đến thời điểm khởi kiện là:

- Đối với khoản vay ngày 17/12/2017: 25.000.000đồng x 20%/năm x 21 tháng = 8.749.000đồng.

- Đối với khoản vay ngày 18/8/2018: 59.000.000đồng x 20%/năm x 13 tháng = 12.783.000đồng.

Nay nguyên đơn yêu cầu các bị đơn có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn tổng cộng là 105.532.000đồng (nợ gốc + nợ lãi).

** Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn Nguyễn Minh T và Bùi Thị V* đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng để tham gia phiên hòa giải, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa nhưng các bị đơn vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản nêu ý kiến gửi Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của anh L.

Tại phiên tòa hôm nay

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh L1 thay đổi yêu cầu khởi kiện, anh L1 chỉ yêu cầu các bị đơn liên đới trả cho anh L 84.000.000đồng nợ gốc ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi như trong đơn khởi kiện đã trình bày; đối với 2.000.000đồng tiền lãi mà các bị đơn đã trả trong quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản giữa đôi bên thì xem như cấn trừ với một phần tiền lãi mà các bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn theo quy định pháp luật.

Các bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang trình bày ý kiến: - *Về phần thủ tục*, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã chấp hành và tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án*, trên cơ sở phân tích các quy định pháp luật, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét các bị đơn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần ở mỗi giai đoạn tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt các bị đơn.

Đối với việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp với nội dung văn bản ủy quyền ngày13/9/2019 giữa anh L, anh L1 và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] - *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

[3] - *Về nội dung yêu cầu:*

Căn cứ vào nội dung hai biên nhận mượn tiền ngày 17/12/2017 và ngày 18/8/2018, lần thứ nhất anh L cho vợ chồng anh T và chị V vay 25.000.000đồng, lần thứ hai cho vay 59.000.000đồng, có thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả thì Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi theo quy định tại Điều 463, khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với yêu cầu khởi kiện của anh L và lời trình bày của anh L1 tại phiên tòa, xét thấy hoàn toàn có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, hai lần anh L cho anh T và chị V vay tiền, tổng cộng là 84.000.000đồng thì anh L có ký tên, anh T và chị V có ký tên, điểm chỉ vào mỗi biên nhận. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh T và chị V đã được Tòa án nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cũng như thông

báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ, nhưng anh chị vẫn vắng mặt ở các giai đoạn tố tụng và cũng không có ý kiến phản hồi đối với các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp, nhất là đối với hai biên nhận mượn tiền ngày 17/12/2017, ngày 18/8/2018. Từ đó cho thấy, việc anh T và chị V vay anh L 84.000.000đồng là có thật (khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015). Vì vậy, vợ chồng bị đơn phải có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền này theo quy định tại Điều 288, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Đối với 2.000.000đồng tiền lãi, theo lời trình bày của anh L1, từ ngày nhận tiền vay đến nay, vợ chồng bị đơn chỉ trả được cho anh L 2.000.000đồng tiền lãi cho khoản vay 25.000.000đồng, số tiền này ít hơn rất nhiều so với số tiền lãi mà các bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 trong trường hợp nguyên đơn có yêu cầu tính lãi. Do đó, yêu cầu của anh L1 tại phiên tòa là cấn trừ số tiền này với một phần tiền lãi mà bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn khi thực hiện hợp đồng vay và không yêu cầu tính lãi đối với khoản nợ 84.000.000đồng là hoàn toàn phù hợp luật định và có lợi cho bị đơn, nên được chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] - *Xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang* hoàn toàn phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[5] - *Về án phí*: Các bị đơn phải liên đới chịu án phí theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 463, Khoản 1 Điều 466, Điều 288 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc anh Nguyễn Minh T và chị Bùi Thị V phải liên đới trả cho anh Trương Thế L 84.000.000 (tám mươi bốn triệu) đồng tiền nợ gốc ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các bị đơn chậm thi hành khoản tiền trên thì phải liên đới trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí: Anh T và chị V liên đới chịu 4.200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho anh L số tiền tạm ứng án phí **2.638.500đồng** mà anh đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 01745 ngày 30/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

3/ Về quyền kháng cáo: Anh L, anh L1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh T, chị V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang.
- VKSND huyện Châu Thành.
- Chi cục THADS.HCT.
- Cácđương sự.
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

ĐÃ KÝ
HUỲNH THỊ TRÚC MAI